TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG
TỈNH SÓC TRĂNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 09/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 18 - 4 - 2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ SÓC TRĂNG, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Huệ

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kiều Thu
2. Ông Đào Khel

- Thư ký phiên tòa: Bà Văn Ngọc Hân, là Thư ký Toà án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng *tham gia phiên tòa****:*** Bà Phạm Thúy Trang - Kiểm sát viên.

Trong ngày 18 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 224/2017/TLST-HNGĐ, ngày 13/10/2017 *về việc tranh chấp ly hôn, nuôi con*, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 25/2018/QĐST-HNGĐ ngày 05/02/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà **Trương Thị Huyền Tr**, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số A đường TBT, khóm B, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

2. Bị đơn: Ông **Thái Hà Quốc V**, sinh năm 1985 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số A1 đường BV, khóm A2, phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện ngày 09/8/2017 của nguyên đơn là bà Trương Thị Huyền Tr và một số lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên

tòa sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn và bị đơn Thái Hà Quốc V tự nguyện kết hôn năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng và được Ủy ban nhân dân phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn ngày 02/3/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc và có một người con chung tên Thái Trương H, sinh ngày 09/4/2011. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn do bị đơn V không quan tâm chăm sóc cho gia đình, cờ bạc và có quan hệ bất chính với người phụ nữ khác bên ngoài nên từ tháng 02/2013 nguyên đơn và bị đơn V đã sống ly thân, khi ly thân cháu Thái Trương H, sinh ngày 09/4/2011 sống chung với nguyên đơn tại số A đường TBT, khóm B, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Nay nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr nhận thấy mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc sống chung không hạnh phúc nên nguyên đơn Tr yêu cầu được ly hôn với bị đơn Thái Hà Quốc V.

Về con chung: Nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr yêu cầu được tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng người con chung tên Thái Trương H, sinh ngày 09/4/2011 cho đến tuổi trưởng thành, nguyên đơn yêu cầu bị đơn cấp dưỡng nuôi con là 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Tại phiên tòa, nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện là không yêu cầu bị đơn V cấp dưỡng nuôi cháu H.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng đã tóm tắt nội dung đơn khởi kiện và các yêu cầu của nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr tại Thông báo thụ lý vụ án số: 224/TB-TLVA, ngày 13/10/2017 và đã tống đạt hợp lệ cho bị đơn Thái Hà Quốc V, cũng như đã triệu tập hợp lệ bị đơn V đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hai lần và Tòa án đã Thông báo về kết quả phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ cho bị đơn. Nhưng bị đơn V không gửi văn bản ghi ý kiến của mình đối với yêu cầu khởi kiện nêu trên của nguyên đơn Tr và cũng không đến dự phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải.

* Tại phiên tòa Kiểm sát viên Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng trình bày ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án: Thẩm phán được phân công giải quyết vụ án đã tiến hành các thủ tục tố tụng đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự như: Xác định đúng thẩm quyền thụ lý vụ án, quan hệ pháp luật tranh chấp, xác định đúng tư cách tham gia tố tụng của các đương sự, việc thu thập chứng cứ đúng theo quy định. Về thời hạn chuẩn bị xét xử được đảm bảo theo quy định. Về thời hạn gửi hồ sơ cho Viện

kiểm sát nghiên cứu, việc cấp tống đạt đảm bảo đúng theo quy định. Tại phiên Tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng các quy định của pháp luật về phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015. Đối với bị đơn Thái Hà Quốc V không chấp hành theo giấy triệu tập của Tòa án là chưa thực hiện đúng nghĩa vụ theo của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Về việc giải quyết vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án. Qua thẩm tra các chứng cứ và kết quả tranh tụng tại phiên tòa đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] **Về thủ tục tố tụng:**

[1.1.] Về thủ tục thụ lý việc khởi kiện của nguyên đơn: Ngày 20/9/2017 Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng nhận được đơn yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr lập ngày 09/8/2017 cùng tài liệu, chứng cứ kèm theo do nguyên đơn Tr nộp trực tiếp tại Tòa án. Ngay sau khi nhận được đơn khởi kiện và các tài liệu, chứng cứ kèm theo, Tòa án thực hiện thủ tục nhận, xử lý đơn khởi kiện của nguyên đơn Tr và thụ lý vụ án đúng quy định tại các Điều 191 và Điều 195 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Theo đơn khởi kiện lập ngày 09/8/2017, nguyên đơn Tr yêu cầu Tòa án giải quyết ly hôn với bị đơn Thái Hà Quốc V có nơi cư trú tại số A đường TBT, khóm B, phường C, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. Căn cứ Khoản 1 Điều 28, điểm a Khoản 1 điều 35 và điểm a Khoản 1 điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử xác định việc Tòa án nhân dân thành phố Sóc Trăng thụ lý, giải quyết vụ án theo trình tự sơ thẩm là đúng quy định của pháp luật về thẩm quyền giải quyết vụ án.

[1.3] Tại phiên tòa sơ thẩm hôm nay, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai, nhưng bị đơn Thái Hà Quốc V vẫn vắng mặt không rõ lý do. Vì vậy, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt bị đơn V theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

[1.4] Tại phiên tòa nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr trình bày trước đây nguyên đơn có yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H đến đủ 18 tuổi, yêu cầu bị đơn V cấp dưỡng nuôi con là 650.000 đồng/tháng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi. Nhưng nay nguyên đơn xin thay đổi một phần yêu cầu khởi kiện trước đây là không yêu cầu bị đơn V phải cấp dưỡng nuôi con chung. Xét thấy, việc

thay đổi yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn không vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại Khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2] **Về nội dung vụ án:**

Tại phiên tòa sơ thẩm nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr trình bày về quan hệ hôn nhân và con chung như sau: Nguyên đơn và bị đơn Thái Hà Quốc V kết hôn vào năm 2011, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân phường A3, thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng cấp giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 02/3/2011; nguyên đơn và bị đơn có một người con chung là cháu Thái Trương H, sinh ngày 09/4/2011. Lời trình bày nêu trên của nguyên đơn T phù hợp với giấy chứng nhận kết hôn và giấy khai sinh của cháu H mà nguyên đơn Tr đã cung cấp cho Tòa án. Vì vậy, theo Điều 92 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử khẳng định đây là sự thật.

[2.1] Nguyên đơn Tr yêu cầu được ly hôn với bị đơn V vì vợ chồng sống chung không hạnh phúc do bị đơn V thiếu trách nhiệm với gia đình, vợ chồng thường xuyên mâu thuẫn, bất đồng trong quan điểm sống vợ chồng không còn quan tâm chăm sóc nhau nữa, nguyên đơn Tr đã cố gắng khuyên nhưng bị đơn V không khắc phục, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 02/2013 cho đến nay. Nguyên đơn Tr không còn tình cảm yêu thương bị đơn V nữa, nên yêu cầu được ly hôn bị đơn Thái Hà Quốc V.

[2.2] Xét thấy, nguyên đơn và bị đơn đã sống ly thân trong thời gian tương đối dài, không lo lắng, chăm sóc lẫn nhau, nguyên đơn không còn tình cảm yêu thương bị đơn nữa, tình trạng vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, căn cứ Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình cần chấp nhận yêu cầu ly hôn của nguyên đơn Tr.

[3] Về con chung: Nguyên đơn Tr và bị đơn V khai vợ chồng có 01 người con chung là cháu Thái Trương H, sinh ngày 09/4/2011. Hội đồng xét xử xét thấy từ khi vợ chồng ông bà sống ly thân cho đến nay cháu H đã và đang sống chung với mẹ là nguyên đơn Tr từ khi cháu được sinh ra cho đến nay, cuộc sống về mọi mặt vẫn được đảm bảo, vì vậy, cần giao cháu H cho nguyên đơn Tr tiếp tục trực tiếp nuôi dưỡng là hợp lý.

Bị đơn V có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm không ai được cản trở.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Do nguyên đơn Tr không yêu cầu nên bị đơn V không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

[5] **Về tài sản chung và nợ chung:** Nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr tự khai không có tài sản chung, nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

[6] **Về án phí**: Nguyên đơn Tr phải chịu 300.000 đồng án phí dân sự sơ

thẩm, theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

[7] Như đã phân tích ở trên đề nghị của Kiểm sát viên là có cơ sở được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điều 39, Khoản 4 Điều 147, Điều 227, Khoản 3 Điều 228, Điều 271, Điều 272, Khoản 1 Điều 273 và Khoản 1 Điều 280 của Bộ luật tố tụng dân sự. Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trương Thị Huyền Tr và ông Thái Hà Quốc V

2. Về con chung:

2.1. Giao con chung là tên Thái Trương H (nam, sinh ngày 09/4/2011) hiện đang sống chung với bà Tr cho bà Trương Thị Huyền Tr trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu H đủ 18 tuổi.

2.2. Ông Thái Hà Quốc V không phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con.

2.3. Ông V có quyền, nghĩa vụ thăm nom cháu Thái Trương H theo quy định tại Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr tự khai không có tài sản chung và nợ chung, nên Hội đồng xét xử không đặt ra để xem xét.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr phải chịu 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí sơ thẩm đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng theo biên lai thu tiền số 0008421, ngày 29/9/2017, nguyên đơn Tr đã nộp đủ án phí sơ thẩm.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn Trương Thị Huyền Tr có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị đơn Thái Hà Quốc V vắng mặt tại phiên tòa, thời hạn kháng cáo được tính từ ngày nhận được bản án hoặc ngày Tòa án tống đạt hợp lệ bản án cho bị đơn Thái Hà Quốc V.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Sóc Trăng;
- VKSND TP Sóc Trăng;
- Các đương sự;
- Chi cục THADS TP Sóc Trăng;
- UBND phường A3;
- Lưu HSVA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Thị Kim Huệ